

Số: 16576/BGTVT-CQLXD

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2015

V/v: Thực hiện đánh giá xếp hạng năng lực và kết quả thực hiện của các Tổ chức tư vấn ngành GTVT.

Kính gửi:

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Các Cục: Đường thủy nội địa, Hàng hải Việt Nam, Hàng không Việt Nam, Đường sắt Việt Nam;
- Các Sở Giao thông vận tải;
- Các Ban QLDA: 1, 2, 5, 6, 7, 85, Thăng Long, ATGT, đường Hồ Chí Minh, Đường sắt, Đường thủy, Hàng hải;
- Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam;
- Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
- Tổng công ty ĐTPT và QLDA hạ tầng giao thông Cửu Long;
- Các Tổng Công ty: 1, 4, 5, 6, 8, Đường thủy, Cảng hàng không Việt Nam, Quản lý bay Việt Nam, Trường Sơn, TEDI, TEDI South, Thăng Long.

Bộ Giao thông vận tải (GTVT) đã có Quyết định số 4298/QĐ-BGTVT ngày 04/12/2015 về việc Ban hành Quy định đánh giá xếp hạng năng lực và kết quả thực hiện của các tổ chức tư vấn xây dựng ngành Giao thông vận tải (Thay thế Quyết định số 3332/QĐ-BGTVT ngày 24/12/2012 và Quyết định số 4387/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2013 của Bộ GTVT). Bộ GTVT yêu cầu các Chủ đầu tư, Ban QLDA, các tổ chức Tư vấn, khẩn trương triển khai một số nội dung sau:

I. Đối với việc tự kê khai, đánh giá lần đầu năm 2015:

- Các Tổ chức tư vấn lập quy hoạch, lập dự án, khảo sát thiết kế, thẩm tra (gọi chung là Tư vấn thiết kế), Tư vấn giám sát, Tư vấn kiểm định các dự án xây dựng công trình giao thông thực hiện việc tự kê khai năng lực và chấm điểm năng lực; đánh giá kết quả thực hiện năm 2015 của của đơn vị mình cho các dự án đã tham gia thực hiện tư vấn từ năm 2013 đến nay theo hướng dẫn và biểu mẫu qui định kèm theo đối với kê khai lần đầu;

(Biểu mẫu số 01, 02, 05, 06, 07, 11, 12, 13)

- Các Chủ đầu tư, các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành, các Sở GTVT, các Ban QLDA gửi báo cáo đánh giá về các đơn vị Tư vấn đã thực hiện các dự án từ năm 2013 đến nay do đơn vị mình quản lý theo mẫu qui định kèm theo;

(Biểu mẫu số 17, 19, 21)

File mềm biểu mẫu kê khai và tự chấm điểm xếp hạng năng lực, đánh giá kết quả thực hiện năm 2015 của tổ chức tư vấn, đánh giá của Chủ đầu tư các đơn vị xem trong Website của Cục QLXD & CL CTGT: cucqlxd.gov.vn mục Văn bản/Mẫu báo cáo.

Văn bản báo cáo và file mềm máy tính theo đúng mẫu quy định gửi về Bộ GTVT (qua Cục QLXD & CLCTGT) trước ngày 15/01/2016.

Email: cucqlxd@gmail.com

2. Đối với việc tự kê khai, đánh giá từ năm thứ hai trở đi:

- Định kỳ hàng năm, các đơn vị Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát, Tư vấn kiểm định cập nhật, gửi báo cáo đánh giá năng lực hoạt động và kết quả thực hiện của đơn vị mình và tự chấm điểm theo mẫu quy định kèm theo;

(Biểu mẫu số 03, 04, 08, 09, 10, 14, 15, 16)

- Các Chủ đầu tư, các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành, các Sở GTVT, các Ban QLDA gửi báo cáo đánh giá về các đơn vị Tư vấn đã thực hiện các dự án do đơn vị mình quản lý theo mẫu qui định kèm theo;

(Biểu mẫu số 18, 20, 22)

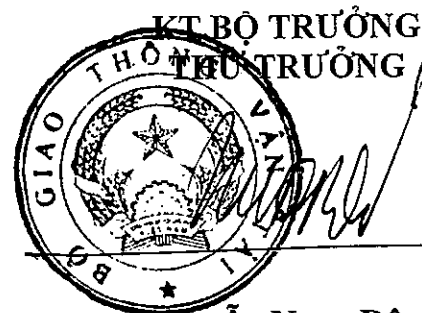
Văn bản báo cáo và file mềm máy tính theo đúng mẫu quy định gửi về Bộ GTVT (qua Cục QLXD & CLCTGT) trước ngày 15 tháng 01 hàng năm theo địa chỉ trên.

Yêu cầu các đơn vị khẩn trương thực hiện, đáp ứng tiến độ yêu cầu.

(Gửi kèm theo văn bản này là Hướng dẫn kê khai năng lực, đánh giá kết quả thực hiện các tổ chức tư vấn xây dựng ngành Giao thông vận tải và các Biểu mẫu kê khai, tự chấm điểm, tự đánh giá của các tổ chức Tư vấn; đánh giá chất lượng Tư vấn của các Chủ đầu tư, Ban QLDA)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Trung tâm CNTT Bộ GTVT (để p/h);
- Công thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông;
- Lưu: VP, CQLXD (08b).



Nguyễn Ngọc Đông

HƯỚNG DẪN

KÊ KHAI NĂNG LỰC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA CÁC TỔ CHỨC TƯ VẤN XÂY DỰNG NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Kèm theo văn bản số 16576/BGTVT-CQLXD ngày 11/12/2015 của Bộ GTVT)

I. Hướng dẫn chung

- Kê khai năng lực và kết quả thực hiện của các tổ chức tư vấn xây dựng ngành GTVT năm 2015 căn cứ Quy định ban hành theo Quyết định số 4298/QĐ-BGTVT ngày 04/12/2015 của Bộ GTVT là kê khai lần đầu. Các Tổ chức tư vấn và các cơ quan liên quan sử dụng mẫu biểu áp dụng cho kê khai lần đầu; rà soát dữ liệu đã kê khai các năm trước để tham chiếu, đưa vào kê khai cho phù hợp với tiêu chí đánh giá theo quy định mới này. Kê khai năng lực cho các năm tiếp theo thực hiện theo mẫu biểu Kê khai năng lực bổ sung.
- Kê khai lĩnh vực đăng ký xếp hạng, kết quả thực hiện: ghi một trong 4 lĩnh vực Đường bộ, Đường sắt, Đường thủy nội địa - hàng hải, Đường hàng không. Một tổ chức hoạt động tư vấn ở nhiều lĩnh vực thì lập các bộ hồ sơ kê khai riêng biệt cho mỗi lĩnh vực, trường hợp kê khai nhiều lĩnh vực chung trong một hồ sơ hoặc không ghi rõ lĩnh vực kê khai thì sẽ bị loại bỏ.
- Các thông tin phải kê khai chính xác, đầy đủ; thủ trưởng cơ quan ký tên, đóng dấu và gửi cả bản cứng, dữ liệu dạng điện tử về địa chỉ được hướng dẫn trong thông báo kê khai.
- Các ô kê khai được lập sẵn có dạng mẫu bao quát, do vậy tùy thuộc vào tính chất cụ thể đối với tổ chức của mình mà tích vào ô tương ứng. Quy định ký hiệu tích bằng chữ V ở ô lựa chọn; các ô khác để trống. Các ô kê khai xác nhận thì nếu có - điền chữ V, không có điền số 0.
- Đối với nội dung kê khai phải ghi giá trị/hoặc đánh tiêu đề thì điền cụ thể trên cơ sở không thay đổi mẫu biểu.
- Năm kê khai được hiểu là năm dương lịch từ 01 tháng 1 đến 31 tháng 12 cùng năm.
- Trên cơ sở thang điểm quy định của Bộ GTVT, các tổ chức tự chấm điểm và điền vào các ô tương ứng (ô có nền màu). Tính điểm trên tệp excel và theo mẫu, đảm bảo khi kích hoạt sẽ hiển thị công thức tính, kết nối (link) để dễ kiểm tra.
- Trước khi kê khai cần phải nghiên cứu kỹ nội dung “Quy định đánh giá xếp hạng năng lực và kết quả thực hiện của các tổ chức tư vấn xây dựng ngành GTVT”, đặc biệt là các Phụ lục 1, 2, 3 và 4 của Quyết định số 4298/QĐ-BGTVT ngày 04/12/2015 của Bộ GTVT (sau đây gọi tắt là Quy định).
- Tổ chức Tư vấn sẽ phải cung cấp đầy đủ các tài liệu có liên quan để chứng minh năng lực của đơn vị mình (bản sao công chứng). Nếu tổ chức Tư vấn không cung cấp đầy đủ và kịp thời các tài liệu có liên quan hạng mục kê khai nào thì hạng mục đó sẽ không được tính điểm.

II. Hướng dẫn cụ thể đối với một số mẫu biểu kê khai

1. Biểu mẫu số 1

- Phần kê khai nhân sự:

- + Chỉ kê khai đối với kiến trúc sư, kỹ sư đủ điều kiện năng lực để được cấp chứng chỉ hành nghề Hạng 1, Hạng 2, Hạng 3 theo quy định tại các Điều 45, 46, 48 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. Trong trường hợp chưa được cấp chứng chỉ mới theo Nghị định này, tổ chức tư vấn căn cứ loại chứng chỉ hành nghề của cá nhân đã được cấp có thẩm quyền cấp, căn cứ điều kiện năng lực quy định tại các Điều 45, 46, 48 của Nghị định 59/2015/NĐ-CP, và trên cơ sở kinh nghiệm hoạt động thực tế của cá nhân, tự đánh giá và xếp Hạng 1, Hạng 2 hoặc Hạng 3 cho phù hợp.
- + Mỗi cá nhân chỉ tính điểm ở một mức hạng duy nhất, nếu tính điểm ở tất cả các mức thì cá nhân đó sẽ bị loại bỏ. Tổ chức kê khai không đúng năng lực của kỹ sư, tự xếp hạng ở mức cao hơn hạng đạt được theo quy định, bị phát hiện thì sẽ đánh điểm 0 cho nhân sự đó. Nếu số lượng nhân sự nhiều thì bảng kê khai sẽ kéo dài thêm cho đủ.
- + Cơ quan cần làm rõ với cá nhân để tránh việc cá nhân đó kê khai ở nhiều tổ chức. Nếu kiểm tra phát hiện kê khai trùng lặp ở nhiều tổ chức thì chỉ tính điểm cho cá nhân đó ở một tổ chức duy nhất đáp ứng điều kiện của Quy định. Không tính điểm cho cá nhân ở tất cả các tổ chức tư vấn khi hợp đồng lao động do cá nhân ký với các tổ chức tư vấn khác nhau trùng lặp về thời gian và không đáp ứng điều kiện của Quy định.
- + Cột “Số chứng chỉ hành nghề”: ghi số chứng chỉ được cấp còn hiệu lực. Trường hợp được cấp chứng chỉ mới theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP thì ghi số chứng chỉ mới này.
- + Cột “Được hành nghề”: ghi chính xác tên ngành nghề theo chứng chỉ được cấp (Ví dụ: thiết kế cầu đường bộ, thiết kế đường bộ, ...).
- + Cột “Xác nhận đóng bảo hiểm xã hội tại đơn vị”: ghi số văn bản, ngày tháng xác nhận đóng bảo hiểm xã hội của nhân sự đã được cơ quan bảo hiểm xác nhận trong năm gần nhất tại đơn vị.
- + Cột “Cấp hạng”: Chỉ được kê khai các kỹ sư đạt một trong ba hạng: Hạng 1, Hạng 2, Hạng 3 (theo quy định của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ). Nếu các tổ chức tư vấn không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh năng lực của các nhân sự đã kê khai trong thời gian yêu cầu thì nhân sự đó sẽ không được tính điểm (bản sao chứng chỉ hành nghề, tên chủ nhiệm trong quyết định duyệt dự án hoặc xác nhận của chủ đầu tư hoặc các tài liệu hợp pháp khác chứng thực được năng lực của cá nhân đã tham gia tại các dự án để cơ quan đánh giá của Bộ GTVT kiểm tra, đối chiếu)...
- Phần năng lực theo các tiêu chí khác: nghiên cứu kỹ phần Phụ lục 1 của Quy định. Doanh thu kê khai là chỉ đối với hoạt động tư vấn cả khảo sát thiết kế (KSTK), tư vấn giám sát (TVGS) và tư vấn kiểm định (TVKD).
 - + Về trang thiết bị khảo sát, phần mềm chuyên dụng phục vụ TVTK: Trong hồ sơ kê khai năng lực của đơn vị phải có danh sách chi tiết kèm theo và bản

sao các tài liệu chứng minh quyền sở hữu của đơn vị đối với các trang thiết bị khảo sát hay phần mềm chuyên dụng đó đã được chứng thực.

+ Về phòng thí nghiệm địa chất công trình hợp chuẩn, phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng hợp chuẩn: Trong hồ sơ kê khai năng lực của đơn vị phải có bản sao quyết định công nhận phòng thí nghiệm của đơn vị đã được chứng thực.

2. Biểu mẫu số 2

- Tùy thuộc vào lĩnh vực xếp hạng, chỉ kê khai các dự án liên quan đến lĩnh vực đó, tham chiếu Phụ lục 1 của Quy định, trường hợp kê khai các dự án thuộc lĩnh vực khác thì hồ sơ sẽ bị loại bỏ.
- Chỉ kê khai các dự án hoàn thành dịch vụ tư vấn thiết kế (bao gồm cả dịch vụ lập quy hoạch và dịch vụ thẩm tra) trong 03 năm gần nhất, nghĩa là đã được phê duyệt sản phẩm hoặc tối thiểu đã có báo cáo thẩm định với kết quả đủ điều kiện để xem xét, phê duyệt. Sản phẩm cuối cùng của tổ chức tư vấn trình nộp vào năm nào thì tính kê khai cho năm đó, không phụ thuộc vào thời điểm bắt đầu thực hiện dịch vụ hay thời điểm phê duyệt dự án đó. Dự án có điều chỉnh, bổ sung trong vòng thời hạn 03 năm so với năm kê khai thì sẽ không được tính thêm điểm.

Ghi đầy đủ thông tin về dự án (Tên dự án/Cấp quyết định đầu tư/Chủ đầu tư/Đại diện chủ đầu tư/ Vận tốc thiết kế (đối với công trình đường bộ).

- Các tổ chức tư vấn phải cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh cấp hạng của công trình (quyết định phê duyệt, hợp đồng ...). Nếu không có tài liệu chứng minh kèm theo thì công trình, dự án đó sẽ không được tính điểm.
- Trường hợp kê khai công việc tư vấn KSTK không thuộc công trình giao thông (thuộc các công trình xây dựng hạ tầng, thủy lợi) như lát vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, kè sông, kè mương ... hoặc các hệ thống giao thông nội bộ trong khu dân cư như đường làng, thôn, xóm, ngõ, hẻm, đường liên thôn ..., đường nội bộ trong khu vui chơi giải trí như sân golf, công viên, ..., sẽ không được tính điểm.
- Đối với KSTK các dự án duy tu sửa chữa xuyên, xử lý sụt trượt (có quy mô lớn) ... không tính điểm căn cứ vào tốc độ thiết kế (Vtk) của tuyến đường mà phải căn cứ trên quy mô sửa chữa của dự án, đồng thời nếu KSTK nhiều đoạn trên cùng tuyến đường thì chỉ tính theo từng hợp đồng trúng thầu. Điểm tối đa cho cả hợp đồng loại này chỉ tương đương công trình từ cấp IV trở xuống.
- Không tính riêng điểm KSTK cho các hạng mục nhỏ, phụ trợ phục vụ cho công trình như cấm cọc giải phóng mặt bằng, mố lộ giới...
- Đối với KSTK các dự án về tín hiệu giao thông (thông tin tín hiệu của đường sắt, cảng hàng không, cảng biển ...) tính điểm theo hợp đồng trúng thầu.
- Nếu tổ chức thực hiện nhiều bước dịch vụ tư vấn của một dự án, thì kê khai riêng cho mỗi bước dịch vụ đó.
- Phần kê khai cho mục “Độc lập hay liên danh, thầu phụ” thực hiện dịch vụ tư vấn: Nếu Độc lập thì điền số 1 vào ô kê khai, nếu liên danh hoặc là thầu phụ thì điền trị số dạng thập phân tương ứng với tỷ lệ tham gia theo giá trị sản

lượng của tổ chức trên tổng giá trị dịch vụ tư vấn, tính theo % (ví dụ tỷ lệ tham gia trong liên danh là 40% thì điền số 0,4).

- Phần thông tin về chất lượng dịch vụ tư vấn:
 - + Tích vào “Được khen thưởng...” nếu dịch vụ tư vấn được Bộ GTVT hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng.
 - + Tích vào các ô “Bị cảnh cáo”, “Bị phạt hợp đồng”... nếu các hình thức đó đã bị Chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền đưa ra bằng văn bản đối với tổ chức tư vấn khi thực hiện hợp đồng dịch vụ.
- Tổ chức tư vấn tự tính điểm đối với mỗi dự án và cộng lại điểm của mỗi năm và tổng cộng lại cho 03 năm.
- Phần kê khai giải thưởng hoặc xử lý vi phạm về chất lượng: Kê khai đầy đủ những dự án, công trình trong thời gian 03 năm kể trước đã được giải thưởng hoặc bị xử lý vi phạm, bị sự cố công trình. Căn cứ quy định tại phần Phụ lục của Quy định sẽ xác định phần trăm được tăng thêm hoặc bị trừ đi; tính ra số điểm cụ thể (cộng thêm thì điểm có số dương, trừ đi thì điểm có trị số âm), từ đó tính ra số điểm được thưởng hoặc bị phạt.
- Tổ chức tư vấn tính số điểm tiêu chuẩn, nghĩa là điểm số về nguyên tắc đạt được nếu không xét đến điểm thưởng, điểm phạt. Qua đó tính tỷ lệ bằng % giữa số điểm thực tế đạt được của kết quả thực hiện các dự án và số điểm tiêu chuẩn.

3. Biểu mẫu số 3

- Phần thông tin chung: kê khai lại như lần đầu, cập nhật những nội dung có biến động;
- Phần kê khai năng lực nhân sự: chỉ kê khai đối với những cá nhân có sự biến động.
 - + Danh sách nhân sự giảm là được hiểu là những người có tên trong danh sách của kỳ kê khai gần nhất nhưng đến thời điểm kê khai thì không còn thuộc danh sách đóng bảo hiểm xã hội của đơn vị hoặc những người tăng hạng năng lực tư vấn so với kỳ kê khai gần nhất hoặc bị kỷ luật.
 - + Danh sách nhân sự bổ sung gồm những người chưa có tên trong danh sách kê khai của kỳ kê khai gần nhất nhưng tại thời điểm kê khai đã đạt đủ các điều kiện trong Quy định để thuộc diện kê khai hoặc những người tăng hạng năng lực tư vấn so với kỳ kê khai gần nhất.
- Trong biểu mẫu này có một số dữ liệu cần trích lục lại từ lần kê khai trước, do vậy cần lưu ý trong công tác lưu trữ để nhập dữ liệu chính xác và phù hợp.

4. Biểu mẫu số 4

- Nội dung kê khai tương tự như biểu mẫu số 2; chỉ kê khai cho 1 năm gần nhất.

5. Biểu mẫu số 5

- Phần thông tin chung: tham khảo hướng dẫn chung.
- Số năm hoạt động tư vấn: kê khai số năm đã tham gia hoạt động cả TVTK và TVGS, TVKĐ.

- Phần kê khai doanh thu hoạt động tư vấn: theo hướng dẫn cho Biểu mẫu số 1.

6. Biểu mẫu số 6

- Tùy thuộc vào lĩnh vực xếp hạng, chỉ kê khai các dự án liên quan đến lĩnh vực đó, tham chiếu Phụ lục 2 của Quy định.
- Chỉ kê khai các dự án hoàn thành dịch vụ tư vấn giám sát trong 3 năm gần nhất, nghĩa là công trình đã được đưa vào sử dụng, khai thác. Công trình đưa vào khai thác năm nào thì tính kê khai cho năm đó, không phụ thuộc vào thời điểm bắt đầu thi công hoặc thực hiện dịch vụ TVGS.
- Phần kê khai cho mục “Độc lập hay liên danh, thầu phụ” thực hiện dịch vụ TVGS: Nếu Độc lập thì điền số 1 vào ô kê khai, nếu liên danh hoặc là thầu phụ thì điền trị số dạng thập phân tương ứng với tỷ lệ tham gia theo giá trị sản lượng của tổ chức trên tổng giá trị dịch vụ tư vấn, tính theo % (ví dụ tỷ lệ tham gia trong liên danh là 40% thì điền số 0,4).
- Phần thông tin về chất lượng dịch vụ tư vấn:
 - + Tích vào “Được khen thưởng...” nếu dịch vụ TVGS được Bộ GTVT hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng.
 - + Tích vào các ô “Bị cảnh cáo”, “Bị phạt hợp đồng” ... nếu các hình thức đó đã bị Chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền đưa ra bằng văn bản đối với tổ chức TVGS khi thực hiện hợp đồng dịch vụ.
- Phần kê khai giải thưởng hoặc xử lý vi phạm về chất lượng: Kê khai đầy đủ những dự án, công trình trong thời gian 03 năm kế trước đã được giải thưởng hoặc bị xử lý vi phạm, bị sự cố công trình. Căn cứ quy định tại phần Phụ lục của Quy định sẽ xác định phần trăm được tăng thêm hoặc bị trừ đi; tính ra số điểm cụ thể (cộng thêm thì điểm có số dương, trừ đi thì điểm có trị số âm), từ đó tính ra số điểm được thưởng hoặc bị phạt.
- Tổ chức tư vấn tự tính điểm đối với mỗi dự án và cộng lại điểm của mỗi năm và tổng cộng lại cho 03 năm. Tổ chức tư vấn tính số điểm tiêu chuẩn, nghĩa là điểm số về nguyên tắc đạt được nếu không xét đến điểm thưởng, điểm phạt. Qua đó tính tỷ lệ bằng % giữa số điểm thực tế đạt được của kết quả thực hiện các dự án và số điểm tiêu chuẩn.

7. Biểu mẫu số 7

- Chỉ kê khai đối với kỹ sư đủ điều kiện năng lực để được cấp chứng chỉ hành nghề Hạng 1, Hạng 2, Hạng 3 theo quy định tại các Điều 45, 49 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. Trong trường hợp chưa được cấp chứng chỉ mới theo Nghị định này, tổ chức tư vấn căn cứ loại chứng chỉ hành nghề của cá nhân đã được cấp có thẩm quyền cấp, căn cứ điều kiện năng lực quy định tại các Điều 45, 49 của Nghị định 59/2015/NĐ-CP, và trên cơ sở kinh nghiệm hoạt động thực tế của cá nhân, tự đánh giá và xếp Hạng 1, Hạng 2 hoặc Hạng 3 cho phù hợp; phải gửi kèm theo các tài liệu chứng minh cá nhân đó đáp ứng các điều kiện tương ứng với hạng kê khai theo quy định của Nghị định 59/2015/NĐ-CP (Hợp đồng, xác nhận của chủ đầu tư, cho cá nhân đã tham gia TVGS tại công trình). Mỗi cá nhân chỉ tính điểm ở một mức hạng duy nhất, nếu tính điểm ở tất cả các mức thì cá nhân đó sẽ bị loại bỏ.

- Cơ quan cần làm rõ với cá nhân để tránh việc cá nhân đó kê khai ở nhiều tổ chức. Nếu kiểm tra phát hiện kê khai trùng lặp ở nhiều tổ chức thì chỉ tính điểm cho cá nhân đó ở một tổ chức duy nhất đáp ứng điều kiện của Quy định. Không tính điểm cho cá nhân ở tất cả các tổ chức tư vấn khi hợp đồng lao động do cá nhân ký với các tổ chức tư vấn khác nhau trùng lặp về thời gian.
- Cột “Được hành nghề”: Ghi chính xác tên ngành nghề theo chứng chỉ được cấp (Ví dụ: giám sát xây dựng công trình cầu đường bộ, giám sát xây dựng công trình đường bộ, ...). Tổ chức Tư vấn sẽ phải cung cấp bằng chứng cụ thể (bản sao công chứng) khi có yêu cầu kiểm tra.
- Cột “Xác nhận đóng bảo hiểm xã hội tại đơn vị”: Ghi số văn bản, ngày tháng xác nhận đóng bảo hiểm xã hội của nhân sự đã được cơ quan bảo hiểm xác nhận trong năm gần nhất tại đơn vị.

8. Biểu mẫu số 8

- Phần thông tin chung: kê khai lại như lần đầu, cập nhật những nội dung có biến động.
- Doanh thu hoạt động tư vấn: khai theo hướng dẫn cho Biểu mẫu số 1; chỉ kê khai doanh thu cho 1 năm gần nhất.
- Trong biểu mẫu này có một số dữ liệu phải trích lục từ lần kê khai trước, do vậy cần lưu ý trong công tác lưu trữ để nhập dữ liệu chính xác và phù hợp.

9. Biểu mẫu số 9

- Nội dung kê khai tương tự như biểu mẫu số 6; chỉ kê khai cho 1 năm gần nhất.

10. Biểu mẫu số 10

Phần kê khai năng lực nhân sự: Chỉ kê khai đối với những cá nhân có sự biến động.

+ Danh sách nhân sự giảm là được hiểu là những người có tên trong danh sách của kỳ kê khai gần nhất nhưng đến thời điểm kê khai thì không còn thuộc danh sách đóng bảo hiểm xã hội của đơn vị hoặc những người tăng hạng năng lực tư vấn so với kỳ kê khai gần nhất hoặc bị kỷ luật.

+ Danh sách nhân sự bổ sung gồm những người chưa có tên trong danh sách kê khai của kỳ kê khai gần nhất nhưng tại thời điểm kê khai đã đạt đủ các điều kiện trong Quy định để thuộc diện kê khai hoặc những người tăng hạng năng lực tư vấn so với kỳ kê khai gần nhất.

11. Biểu mẫu số 11

- Phần thông tin chung: tham khảo hướng dẫn chung.
- Số năm hoạt động tư vấn: kê khai số năm đã tham gia hoạt động cả TVTK, TVGS và TVKD.
- Về trang thiết bị kiểm định: Sở hữu thiết bị bộ kiểm định loại nào để được tính điểm thì tổ chức tư vấn phải liệt kê danh mục thiết bị và bản sao chứng thực các tài liệu chứng minh quyền sở hữu của đơn vị đối với các trang thiết bị đó trong hồ sơ kê khai. Bộ thiết bị kiểm định nào mà tổ chức tư vấn không có hoặc không có đủ số lượng cần thiết thì để trống và điểm tính bằng không (0).

- Phần kê khai doanh thu hoạt động tư vấn: theo hướng dẫn cho Biểu mẫu số 1.

12. Biểu mẫu số 12

- Tùy thuộc vào lĩnh vực xếp hạng, chỉ kê khai các dự án liên quan đến lĩnh vực đó, tham chiếu Phụ lục 3 của Quy định.
- Chỉ kê khai các dự án hoàn thành dịch vụ tư vấn kiểm định trong 3 năm gần nhất, nghĩa là báo cáo kiểm định đã được nghiệm thu, chấp thuận. Thời điểm nghiệm thu năm nào thì tính kê khai cho năm đó, không phụ thuộc vào thời điểm bắt đầu thực hiện dịch vụ TVKĐ.
- Phần kê khai cho mục “Độc lập hay liên danh, thầu phụ” thực hiện dịch vụ TVKĐ: Nếu Độc lập thì điền số 1 vào ô kê khai, nếu liên danh hoặc là thầu phụ thì điền trị số dạng thập phân tương ứng với tỷ lệ tham gia theo giá trị sản lượng của tổ chức trên tổng giá trị dịch vụ tư vấn, tính theo % (ví dụ tỷ lệ tham gia trong liên danh là 40% thì điền số 0,4).
- Phần thông tin về chất lượng dịch vụ tư vấn:
 - + Tích vào các ô “Bị cảnh cáo”, “Bị phạt hợp đồng” ... nếu các hình thức đó đã bị Chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền đưa ra bằng văn bản đối với tổ chức TVKĐ khi thực hiện hợp đồng dịch vụ.
- Phần kê khai các dự án bị xử lý vi phạm về chất lượng: Kê khai đầy đủ những dự án, công trình trong thời gian 03 năm kế trước đã bị xử lý vi phạm, bị sự cố công trình. Căn cứ quy định tại phần Phụ lục của Quy định sẽ xác định phần trăm bị trừ đi; tính ra số điểm cụ thể.
- Tổ chức tư vấn tự tính điểm đối với mỗi dự án và cộng lại điểm của mỗi năm và tổng cộng lại cho 03 năm. Tổ chức tư vấn tính số điểm tiêu chuẩn, nghĩa là điểm số về nguyên tắc đạt được nếu không xét đến điểm thưởng, điểm phạt. Qua đó tính tỷ lệ bằng % giữa số điểm thực tế đạt được của kết quả thực hiện các dự án và số điểm tiêu chuẩn.

13. Biểu mẫu số 13

- Chỉ kê khai đối với kỹ sư đủ điều kiện năng lực để được cấp chứng chỉ hành nghề Hạng 1, Hạng 2, Hạng 3 theo quy định tại các Điều 45, 50 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. Trong trường hợp chưa được cấp chứng chỉ mới theo Nghị định này, tổ chức tư vấn căn cứ loại chứng chỉ hành nghề của cá nhân đã được cấp có thẩm quyền cấp, căn cứ điều kiện năng lực quy định tại các Điều 45, 50 của Nghị định 59/2015/NĐ-CP, và trên cơ sở kinh nghiệm hoạt động thực tế của cá nhân, tự đánh giá và xếp Hạng 1, Hạng 2 hoặc Hạng 3 cho phù hợp; phải gửi kèm theo các tài liệu chứng minh cá nhân đó đáp ứng các điều kiện tương ứng với hạng kê khai theo quy định của Nghị định 59/2015/NĐ-CP (Hợp đồng, xác nhận của chủ đầu tư, cho cá nhân đã tham gia TVKĐ tại công trình). Mỗi cá nhân chỉ tính điểm ở một mức hạng duy nhất, nếu tính điểm ở tất cả các mức thì cá nhân đó sẽ bị loại bỏ.
- Cơ quan cần làm rõ với cá nhân để tránh việc cá nhân đó kê khai ở nhiều tổ chức. Nếu kiểm tra phát hiện kê khai trùng lặp ở nhiều tổ chức thì chỉ tính điểm cho cá nhân đó ở một tổ chức duy nhất đáp ứng điều kiện của Quy định. Không tính điểm cho cá nhân ở tất cả các tổ chức tư vấn khi hợp đồng lao

- động do cá nhân ký với các tổ chức tư vấn khác nhau trùng lặp về thời gian.
- Cột “Được hành nghề”: Ghi chính xác tên ngành nghề theo chứng chỉ được cấp (Ví dụ: kiểm định cầu, kiểm định đường, ...). Tổ chức Tư vấn sẽ phải cung cấp bằng chứng cụ thể (bản sao công chứng) khi có yêu cầu kiểm tra.
 - Cột “Xác nhận đóng bảo hiểm xã hội tại đơn vị”: Ghi số văn bản, ngày tháng xác nhận đóng bảo hiểm xã hội của nhân sự đã được cơ quan bảo hiểm xác nhận trong năm gần nhất tại đơn vị.

14. Biểu mẫu số 14

- Phần thông tin chung: kê khai lại như lần đầu, cập nhật những nội dung có biến động.
- Doanh thu hoạt động tư vấn: khai theo hướng dẫn cho Biểu mẫu số 1; chỉ kê khai doanh thu cho 1 năm gần nhất.
- Trong biểu mẫu này có một số dữ liệu phải trích lục từ lần kê khai trước, do vậy cần lưu ý trong công tác lưu trữ để nhập dữ liệu chính xác và phù hợp.

15. Biểu mẫu số 15

- Nội dung kê khai tương tự như biểu mẫu số 6; chỉ kê khai cho 1 năm gần nhất.

16. Biểu mẫu số 16

Phần kê khai năng lực nhân sự: Chỉ kê khai đối với những cá nhân có sự biến động;

+ Danh sách nhân sự giảm là được hiểu là những người có tên trong danh sách của kỳ kê khai gần nhất nhưng đến thời điểm kê khai thì không còn thuộc danh sách đóng bảo hiểm xã hội của đơn vị hoặc những người tăng hạng năng lực tư vấn so với kỳ kê khai gần nhất hoặc bị kỷ luật.

+ Danh sách nhân sự bổ sung gồm những người chưa có tên trong danh sách kê khai của kỳ kê khai gần nhất nhưng tại thời điểm kê khai đã đạt đủ các điều kiện trong Quy định để thuộc diện kê khai hoặc những người tăng hạng năng lực tư vấn so với kỳ kê khai gần nhất.

17. Biểu mẫu số 17, 18

- Biểu mẫu này được các Ban quản lý dự án, Chủ đầu tư các dự án do Bộ GTVT quyết định đầu tư báo cáo về chất lượng hoạt động của các Tổ chức tư vấn thiết kế tại các dự án mình quản lý. Khuyến khích các Chủ đầu tư dự án khác hàng năm cung cấp thông tin về hoạt động TVTK về Bộ GTVT theo các biểu mẫu này. Lần đầu tổng hợp thông tin cho 03 năm gần nhất; các lần sau chỉ cập nhật thông tin cho 1 năm gần nhất.
- Cách điền thông tin tham khảo biểu mẫu số 2.

18. Biểu mẫu số 19, 20

- Biểu mẫu này được các Ban quản lý dự án, Chủ đầu tư các dự án do Bộ GTVT quyết định đầu tư báo cáo về chất lượng hoạt động của các Tổ chức tư vấn giám sát tại các dự án mình quản lý. Khuyến khích các Chủ đầu tư dự án khác hàng năm cung cấp thông tin về hoạt động TVGS về Bộ GTVT theo các biểu mẫu này. Lần đầu tổng hợp thông tin cho 03 năm gần nhất; các lần sau chỉ cập

nhật thông tin cho 1 năm gần nhất.

- Cách điền thông tin tham khảo biểu mẫu số 6.

19. Biểu mẫu số 21, 22

- Biểu mẫu này được các Ban quản lý dự án, Chủ đầu tư các dự án do Bộ GTVT quyết định đầu tư báo cáo về chất lượng hoạt động của các Tổ chức tư vấn kiểm định tại các dự án mình quản lý. Khuyến khích các Chủ đầu tư dự án khác hàng năm cung cấp thông tin về hoạt động TVGS về Bộ GTVT theo các biểu mẫu này. Lần đầu tổng hợp thông tin cho 03 năm gần nhất; các lần sau chỉ cập nhật thông tin cho 1 năm gần nhất.
- Cách điền thông tin tham khảo biểu mẫu số 12.

www.LuatVietnam.vn

**BẢNG KÊ KHAI NĂNG LỰC LẦN ĐẦU
CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**

A	Lĩnh vực đăng ký đánh giá, xếp hạng: ĐƯỜNG BỘ (hoặc đường sắt, đường hàng không....)							
B	THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC TƯ VẤN							
1	Tên tổ chức tư vấn:							
2	Số hiệu giấy chứng nhận ĐKKD/Mã số doanh nghiệp:				Ngày cấp:			
3	Địa chỉ trụ sở chính							
4	Điện thoại liên hệ				Số FAX:			
5	Người đại diện pháp luật				Điện thoại:			
C	PHẦN KÊ KHAI KINH NGHIỆM						Tính điểm	
1	Số năm hoạt động TVTK				15 năm		40	
2	Kinh nghiệm thực hiện các dự án (kê khai riêng theo mẫu 2 và tính tổng điểm vào ô bên)						30	
D	PHẦN KÊ KHAI NĂNG LỰC							
D.1	Năng lực nhân sự							
TT	Họ và tên KTS/KS	Số Chứng chỉ hành nghề	Được hành nghề	Xác nhận đóng bảo hiểm xã hội tại đơn vị	Cấp Hạng			Tính điểm nhân sự
					Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3	
1	Nguyễn Văn A	0158765	Thiết kế công trình đường bộ	Văn bản số ngày.../.../.... củaxác nhận đóng bảo hiểm xã hội năm gần nhất	V			12
2	Nguyễn Văn B	012359	Thiết kế công trình đường bộ	Văn bản số ngày.../.../.... củaxác nhận đóng bảo hiểm xã hội năm gần nhất			V	4
...							
Cộng điểm các cá nhân								16

D.2	Năng lực theo các tiêu chí khác		
TT	Tên tiêu chí	Xác nhận có/không	Tính điểm
1	Sở hữu đủ bộ trang thiết bị khảo sát	Các tài liệu chứng minh quyền sở hữu của đơn vị	50
2	Sở hữu phần mềm chuyên dụng phục vụ TVTK	Các tài liệu chứng minh quyền sở hữu của đơn vị	25
3	Sở hữu phòng thí nghiệm địa chất công trình hợp chuẩn	Quyết định công nhận phòng thí nghiệm	
4	Sở hữu phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng hợp chuẩn	Quyết định công nhận phòng thí nghiệm	
5	Doanh thu của hoạt động tư vấn (3 năm gần nhất)	Giá trị (tỷ VNĐ)	Tính điểm
	Năm 2013	10	36
	Năm 2014	24	
	Năm 2015	20	
	Trung bình 3 năm	18	

Tổng cộng điểm tự chấm của tổ chức:

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;

Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

197

Thủ trưởng cơ quan
Ký tên/ đóng dấu

BẢNG KÊ KHAI LẦN ĐẦU CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN TƯ VẤN THIẾT KẾ TRONG 3 NĂM GẦN NHẤT

A. Phần kê khai chi tiết các dự án, lĩnh vực: Đường bộ (hoặc đường sắt, đường hàng không ...)

TT	Tên dự án/ Cấp Quyết định đầu tư/Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư/Vận tốc thiết kế	Nhóm, cấp công trình								Thông tin bước dịch vụ thực hiện					Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ				Điểm tiêu chuẩn	Tích điểm thực hiện					
		Quan trọng quốc gia	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C	Công trình cấp đặc biệt	Công trình cấp I	Công trình cấp II	Công trình cấp III	Công trình cấp IV trở xuống	Lập quy hoạch	Lập BC nghiên cứu tiền khả thi	Lập dự án (BCNC khả thi)	TKKT, BVTC (nếu TK 2 bước)	BVTC (nếu TK 3 bước)	Độc lập hay liên danh, thầu phụ	Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực	Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng			Bị cảnh cáo	Bị phạt hợp đồng			
I	Năm 2013																								
1	Dự án A/BGTVT/PMU1/Vtk=120km	V										V			0,5	V							12	18	
2																									
3																									
...																									
<i>Cộng điểm kinh nghiệm dự án trong năm trên</i>																					12	18			
II	Năm 2014																								
1	Dự án B/BGTVT/PMU85/Vtk=60km																								
2	Thẩm tra Dự án C /BGTVT/PMU1/Vtk=60km																								
3																									
...																									
<i>Cộng điểm kinh nghiệm dự án trong năm trên</i>																					0	0			
III	Năm 2015																								
1	Dự án C/SGTVT/Ban QLDA.../Vtk=80km												V											12	12
2																									
3																									
...																									
<i>Cộng điểm kinh nghiệm dự án trong năm trên</i>																					12	12			
Tổng cộng điểm dự án cho 3 năm gần nhất																					24	30			

B. Phân kê khai các dự án được giải thưởng hoặc xử lý vi phạm về chất lượng

TT	Tên dự án/ Cấp Quyết định đầu tư/Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư	Đạt giải thưởng			Bị xử lý vi phạm					Phần trăm điểm được thưởng	Phần trăm điểm bị trừ	Số điểm được thưởng hoặc bị trừ
		Giải công trình chất lượng cao	Giải thưởng quốc gia về chất lượng	Năm đạt giải	Năm bị xử lý vi phạm	Bị cấm tham gia đấu thầu	Bị sự cố công trình cấp III	Bị sự cố công trình cấp II	Bị sự cố công trình cấp I trở lên			
1												
2												
3												
...												
	Cộng											0

Số điểm tiêu chuẩn Kết quả thực hiện các dự án

Tổng cộng số điểm đạt được của mục Kết quả thực hiện các dự án

Tỷ lệ (%) số điểm đạt được/số điểm tiêu chuẩn

24
30
1,25

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;

Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên/ đóng dấu)

**BẢNG KÊ KHAI NĂNG LỰC BỔ SUNG
CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**

A	Lĩnh vực đăng ký đánh giá, xếp hạng: ĐƯỜNG BỘ (hoặc đường sắt, đường hàng không...)							
B	THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC TƯ VẤN							
1	Tên tổ chức tư vấn:							
2	Số hiệu giấy chứng nhận ĐKKD/Mã số doanh nghiệp:					Ngày cấp:		
3	Địa chỉ trụ sở chính							
4	Điện thoại liên hệ				Số FAX:			
5	Người đại diện pháp luật		Điện thoại:					
C	PHẦN KÊ KHAI KINH NGHIỆM							Tính điểm
1	Số năm hoạt động TVTK:		9 năm					20
2	Kinh nghiệm thực hiện các dự án							37,5
D	PHẦN KÊ KHAI NĂNG LỰC							
D.1	Năng lực nhân sự (chỉ khai đối với cá nhân có biến động)							
TT	Họ và tên KTS/KS	Số Chứng chỉ hành nghề	Xác nhận đóng bảo hiểm xã hội tại đơn vị	Được hành nghề	Cấp Hạng			Tính điểm cá nhân
					Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3	
I	Danh sách nhân sự giảm							
1	Nguyễn Văn F	4567735	Văn bản số ngày/...../..... của xác nhận đóng bảo hiểm xã hội năm gần nhất	Thiết kế công trình cầu	V			-12
2								
3								
...							
	<i>Số điểm giảm trừ do nhân sự nghỉ công tác, thay đổi cấp hạng hoặc bị kỷ luật</i>							-12
II	Danh sách nhân sự bổ sung thêm (tăng cấp hạng hay nhân sự mới đạt cấp hạng)							
1	Nguyễn Văn F	4567735	Văn bản số ngày/...../..... của xác nhận đóng bảo hiểm xã hội năm gần nhất	Thiết kế công trình cầu		V		8
2	Nguyễn Văn G	08558886	Văn bản số ngày/...../..... của xác nhận đóng bảo hiểm xã hội năm gần nhất	Khảo sát thủy văn			V	4
...							
	<i>Số điểm tăng thêm do bổ sung nhân sự</i>							12
	<i>Số điểm năng lực nhân sự ở lần khai kê trước đó</i>							576
	<i>Số điểm năng lực nhân sự hiện tại</i>							576
D.2	Năng lực theo các tiêu chí khác (chỉ khai nếu có thay đổi)							
TT	Tên tiêu chí			Xác nhận có/không				Tính điểm
1	Sở hữu toàn bộ trang thiết bị khảo sát			Các tài liệu chứng minh quyền sở hữu của đơn vị				
2	Sở hữu phần mềm chuyên dụng phục vụ TVTK			Các tài liệu chứng minh quyền sở hữu của đơn vị				
3	Sở hữu phòng thí nghiệm địa chất công trình hợp chuẩn			Quyết định công nhận phòng thí nghiệm				

4	Sở hữu phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng hợp chuẩn	Quyết định công nhận phòng thí nghiệm	
5	Doanh thu của hoạt động tư vấn	Giá trị (tỷ VNĐ)	
	<i>Trong năm gần nhất - Năm 2016, ...</i>		15
	<i>Tổng doanh thu trong 2 năm kế trước đó (2014 - 2015)...</i>		45
	Trung bình doanh thu trong 3 năm gần nhất (2014- 2016)...		40

Tổng cộng điểm tự chấm của tổ chức:

616

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;

Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan

Ký tên/ đóng dấu

www.LuatVietnam.vn

BẢNG KÊ KHAI BỔ SUNG CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN TƯ VẤN THIẾT KẾ TRONG NĂM GẦN NHẤT

A. Phần kê khai chi tiết các dự án, lĩnh vực: Đường bộ (hoặc đường sắt, đường hàng không, ...)

TT	Tên dự án/ Cấp Quyết định đầu tư/Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư/Vận tốc thiết kế	Nhóm, cấp công trình								Thông tin bước dịch vụ thực hiện				Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ				Điểm tiêu chuẩn	Tính điểm thực hiện		
		Quan trọng quốc gia	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C	Công trình cấp đặc biệt	Công trình cấp I	Công trình cấp II	Công trình cấp III	Công trình cấp IV trở xuống	Lập quy hoạch	Lập BC nghiên cứu tiền khả thi	Lập dự án (BCNC khả thi)	TKKT, BVTC (nếu TK 2 bước)	BVTC (nếu TK 3 bước)	Độc lập hay liên danh, thầu phụ	Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực			Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng	Bị cảnh cáo
	Năm 20....																				
1	Dự án A/BGTVT/PMUI/Vtk=60km							V					V		I		V			3	4,5
2																					
...																					
<i>Cộng điểm thực hiện dự án trong năm trên</i>																	3	4,5			
<i>Điểm thực hiện dự án trong năm trước đó</i>																	15	15			
<i>Điểm thực hiện dự án trong năm trước đó 2 năm</i>																	18	18			
Tổng cộng điểm dự án cho 3 năm gần nhất																	36	37,5			

B. Phần kê khai các dự án được giải thưởng hoặc xử lý vi phạm về chất lượng

TT	Tên dự án/ Cấp Quyết định đầu tư/Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư/Vận tốc thiết kế	Đạt giải thưởng			Bị xử lý vi phạm				Phản trăm điểm được thưởng	Phản trăm điểm bị trừ	Số điểm được thưởng hoặc bị trừ
		Giải công trình chất lượng cao	Giải thưởng quốc gia về chất lượng	Năm đạt giải	Năm bị xử lý vi phạm	Bị cấm tham gia đấu thầu	Bị sự cố công trình cấp III	Bị sự cố công trình cấp II			
1											
2											
...											
Cộng											0

Số điểm tiêu chuẩn Kết quả thực hiện các dự án
 Tổng cộng số điểm đạt được của mục Kết quả thực hiện các dự án
 Tỷ lệ (%) số điểm đạt được/số điểm tiêu chuẩn

	36
	37,5
	1,04

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;
 Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan
 (Ký tên/ đóng dấu)

**BẢNG KÊ KHAI NĂNG LỰC LÀN ĐẦU
CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN GIÁM SÁT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**

A	Lĩnh vực đăng ký đánh giá, xếp hạng: ĐƯỜNG BỘ (hoặc đường sắt, đường hàng không,...)			
B	THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC TƯ VẤN			
1	Tên tổ chức tư vấn:			
2	Số hiệu giấy chứng nhận ĐKKD/Mã số doanh nghiệp:		Ngày cấp:	
3	Địa chỉ trụ sở chính			
4	Điện thoại liên hệ		Số FAX:	
5	Người đại diện pháp luật	Điện thoại:		
C	PHẦN KÊ KHAI KINH NGHIỆM			Tính điểm
1	Số năm hoạt động TVGS	12	năm	30
2	Kinh nghiệm thực hiện các dự án (kê khai riêng theo mẫu 6 và ghi tổng điểm ở ô bên)			14,0
D	PHẦN KÊ KHAI NĂNG LỰC			
	Năng lực nhân sự (kê khai theo mẫu 7 và ghi tổng điểm ở ô bên)			24
	Năng lực tài chính			
TT	Doanh thu của hoạt động tư vấn (3 năm gần nhất)	Giá trị (tỷ VNĐ)		Tính điểm
3	Năm 2013	11		30
4	Năm 2014	18		
5	Năm 2015	16		
	Trung bình của 3 năm	15		

Tổng cộng điểm tự chấm của tổ chức

98,0

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;

Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan

Ký tên/ đóng dấu

BẢNG KÊ KHAI LẦN ĐẦU CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN TVGS TRONG 3 NĂM GẦN NHẤT

A. Phần kê khai chi tiết các dự án, lĩnh vực: Đường bộ (hoặc đường sắt, đường hàng không, ...)

TT	Tên dự án/ Cấp Quyết định đầu tư/Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư/Vận tốc thiết kế	Nhóm, cấp công trình					Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ						Điểm tiêu chuẩn	Tính điểm thực hiện		
		Quan trọng quốc gia hoặc công trình cấp đặc biệt	Nhóm A hoặc có Công trình cấp I	Nhóm B và có Công trình cấp II	Nhóm B hoặc có Công trình cấp III	Nhóm C hoặc Công trình cấp IV trở xuống	Độc lập hay liên danh, thầu phụ	Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án	Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực	Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng	Bị cảnh cáo	Bị phạt hợp đồng				
I	Năm 2013															
1	Dự án A/BGTVT/PMUI/Vtk=120km	V					0,7	0,5					V		11,2	7,8
2																
3																
...																
<i>Cộng điểm kinh nghiệm dự án trong năm trên</i>												11,2	7,8			
II	Năm 2014															
1	Dự án B/UBND tỉnh .../Số GTVT/Ban QLDA				V		1	1							4	4
2																
3																
...																
<i>Cộng điểm kinh nghiệm dự án trong năm trên</i>												4	4			
III	Năm 2015															
1	Dự án C/UBND tỉnh .../Số GTVT/Ban QLDA			V			1	0,7							5,6	5,6
2																
3																
...																
<i>Cộng điểm kinh nghiệm dự án trong năm trên</i>												5,6	5,6			
Tổng cộng điểm dự án cho 3 năm gần nhất												20,8	17,4			

B. Phần kê khai các dự án được giải thưởng hoặc xử lý vi phạm về chất lượng

TT	Tên dự án/ Cấp Quyết định đầu tư/Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư/Vận tốc thiết kế	Đạt giải thưởng			Bị xử lý vi phạm					Phần trăm điểm được thưởng	Phần trăm điểm bị trừ	Số điểm được thưởng hoặc bị trừ
		Giải công trình chất lượng cao	Giải thưởng quốc gia về chất lượng	Năm đạt giải	Năm bị xử lý vi phạm	Bị cấm tham gia đấu thầu	Bị sự cố công trình cấp III	Bị sự cố công trình cấp II	Bị sự cố công trình cấp I trở lên			
1	Dự án D/UBND tỉnh/Sở GTVT/Ban QLDA .../Vtk=80km/h	V		2013						10%		1,7
2	Dự án E/UBND tỉnh/Sở GTVT/Ban QLDA .../Vtk=80km/h				2014		V				30%	-5,2
...												
Cộng												-3,5

Số điểm tiêu chuẩn Kết quả thực hiện các dự án

Tổng cộng số điểm đạt được của mục Kết quả thực hiện các dự án

Tỷ lệ (%) số điểm đạt được/số điểm tiêu chuẩn

20,8

14,0

0,67

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;
Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên/ đóng dấu)

BẢNG KÊ KHAI NĂNG LỰC NHÂN SỰ TVGS CỦA TỔ CHỨC

TT	Họ và Tên	Số chứng chỉ hành nghề	Được hành nghề	Xác nhận đóng bảo hiểm xã hội tại đơn vị	Đạt tiêu chuẩn			Tính điểm
					Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3	
1	Nguyễn Văn A	157926685	TVGS cầu...	Văn bản số ngày .../.../... của xác nhận đóng bảo hiểm xã hội năm gần nhất	V			16
2	Nguyễn Văn B	157926686	TVGS cảng...	Văn bản số ngày .../.../... của xác nhận đóng bảo hiểm xã hội năm gần nhất		V		8
...								
Tổng điểm nhân sự của tổ chức								24

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;

Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên/ đóng dấu)

BẢNG KÊ KHAI NĂNG LỰC BỔ SUNG
CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN GIÁM SÁT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

A	Phần kê khai chi tiết các dự án, lĩnh vực: Đường bộ (hoặc đường sắt, đường hàng không, ...)		
B	THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC TƯ VẤN		
1	Tên tổ chức tư vấn:		
2	Số hiệu giấy chứng nhận ĐKKD:	Ngày cấp:	
3	Địa chỉ trụ sở chính		
4	Điện thoại liên hệ		Số FAX:
5	Người đại diện pháp luật	Điện thoại:	
C	PHẦN KÊ KHAI KINH NGHIỆM		Tính điểm
1	Số năm hoạt động TVGS	7 năm	20
2	Kinh nghiệm thực hiện các dự án (khai theo mẫu 9)		45,8
D	PHẦN KÊ KHAI NĂNG LỰC		
D.1	Năng lực nhân sự		
1	Phần biến động (khai theo mẫu số 10) và ghi điểm thay đổi vào ô bên		-4
2	Điểm năng lực nhân sự đã tự chấm ở lần kê khai trước		315
	Điểm năng lực nhân sự hiện tại		311
D.2	Năng lực tài chính		Tính điểm
1	Doanh thu của hoạt động tư vấn	Giá trị (tỷ VNĐ)	40
2	Năm gần nhất	20	
3	Tổng doanh thu của 2 năm kế trước đó	40	
4	Trung bình doanh thu của 3 năm gần nhất	20	

Tổng cộng điểm tự chấm của tổ chức:

416,8

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;

Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan

Ký tên/ đóng dấu

BẢNG KÊ KHAI BỔ SUNG CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN TVGS TRONG NĂM GẦN NHẤT

A. Phần kê khai chi tiết các dự án, lĩnh vực: Đường bộ (hoặc đường sắt, đường hàng không, ...)

TT	Tên dự án/ Cấp Quyết định đầu tư/Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư/Vận tốc thiết kế	Nhóm, cấp công trình					Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ						Điểm tiêu chuẩn	Tinh điểm thực hiện	
		Quan trọng quốc gia hoặc công trình cấp đặc biệt	Nhóm A hoặc có Công trình cấp I	Nhóm B và có Công trình cấp II	Nhóm B hoặc có Công trình cấp III	Nhóm C hoặc Công trình cấp IV (trở xuống)	Độc lập hay liên danh, thầu phụ	Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án	Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực	Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng	Bị cảnh cáo	Bị phạt hợp đồng			
	Năm 20...														
1	Dự án A/BGTVT/PMUI/ Vtk=120km	V					0,7	0,5				V		11,2	7,8
2															
3															
...															
Cộng điểm kinh nghiệm dự án trong năm trên												11,2	7,8		
Điểm thực hiện dự án trong năm trước đó												20	20		
Điểm thực hiện dự án trong năm trước đó 2 năm												18	18		
Tổng cộng điểm dự án cho 3 năm gần nhất												49,2	45,8		

thưởng hoặc xử lý vi phạm về chất lượng

TT	Tên dự án/ Cấp Quyết định đầu tư/Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư/Vận tốc thiết kế	Đạt giải thưởng			Bị xử lý vi phạm					Phần trăm điểm được thưởng	Phần trăm điểm bị trừ	Số điểm được thưởng hoặc bị trừ
		Giải công trình chất lượng cao	Giải thưởng quốc gia về chất lượng	Năm đạt giải	Năm bị xử lý vi phạm	Bị cấm tham gia đấu thầu	Bị sự cố công trình cấp III	Bị sự cố công trình cấp II	Bị sự cố công trình cấp I trở lên			
1												
2												
3												
...												
Cộng												0,0

Số điểm tiêu chuẩn Kết quả thực hiện các dự án

Tổng cộng số điểm đạt được của mục Kết quả thực hiện các dự án

Tỷ lệ (%) số điểm đạt được/số điểm tiêu chuẩn

49,2
45,8
0,93

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;

Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên/ đóng dấu)

BẢNG KÊ KHAI NĂNG LỰC NHÂN SỰ BỔ SUNG TVGS CỦA TỔ CHỨC

TT	Họ và Tên	Số Chứng chỉ hành nghề	Được hành nghề	Xác nhận đóng bảo hiểm xã hội tại đơn vị	Đạt tiêu chuẩn			Tính điểm
					Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3	
Danh sách nhân sự giảm								
1	Nguyễn Văn A	4567735	TVGS cầu...	Văn bản số ngày .../.../... của xác nhận đóng bảo hiểm xã hội năm gần nhất	V			-16
2								
3								
...							
<i>Số điểm giảm trừ do nhân sự nghỉ công tác/ kỳ luật/thay đổi cấp hạng</i>								-16
Danh sách nhân sự bổ sung								
1	Nguyễn Văn F	157926689	TVGS cảng...	Văn bản số ngày .../.../... của xác nhận đóng bảo hiểm xã hội năm gần nhất			V	4
2	Nguyễn Văn G	157926690	TVGS đường...	Văn bản số ngày .../.../... của xác nhận đóng bảo hiểm xã hội năm gần nhất		V		8
3								
...							
<i>Số điểm tăng thêm do bổ sung nhân sự</i>								12
<i>Số điểm tăng/giảm do biến động về nhân sự</i>								-4

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;
Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên/ đóng dấu)

**BẢNG KÊ KHAI NĂNG LỰC LẦN ĐẦU
CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**

A	Lĩnh vực đăng ký đánh giá, xếp hạng: ĐƯỜNG BỘ (hoặc đường sắt, đường hàng không,...)			
B	THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC TƯ VẤN			
1	Tên tổ chức tư vấn:			
2	Số hiệu giấy chứng nhận ĐKKD/Mã số doanh nghiệp:		Ngày cấp:	
3	Địa chỉ trụ sở chính			
4	Điện thoại liên hệ		Số FAX:	
5	Người đại diện pháp luật		Điện thoại:	
C	PHẦN KÊ KHAI KINH NGHIỆM			Tính điểm
1	Số năm hoạt động Tư vấn	12	năm	30
2	Kinh nghiệm thực hiện các dự án (kê khai riêng theo mẫu 12 và ghi tổng điểm ở ô bên)			10,6
D	PHẦN KÊ KHAI NĂNG LỰC			
D.1	Năng lực nhân sự (kê khai theo mẫu 13 và ghi tổng điểm ở ô bên)			24
D.2	Trang thiết bị kiểm định			
	Tên tiêu chí đánh giá		Xác nhận có/không	
	Có đủ bộ đo biến dạng, chất lượng kết cấu công trình (tensomete, indicator, máy đo biến dạng + cảm biến, máy dò cốt thép, máy siêu âm,...)		Phải có tài liệu, chứng từ chứng minh	15
	Có đủ bộ quan trắc đo dao động, quan trắc chuyển vị kết cấu công trình		Phải có tài liệu, chứng từ chứng minh	15
	Có đủ bộ thiết bị thí nghiệm đánh giá kích thước hình học, độ bằng phẳng, chất lượng các lớp vật liệu, cường độ nền, mặt đường		Phải có tài liệu, chứng từ chứng minh	15
	Có hệ thống thiết bị, phần mềm chuyên dụng, có bản quyền để xử lý tự động số liệu, phân tích, đánh giá chất lượng công trình kết cấu đặc biệt như cầu dây văng, cầu dây võng,		Phải có tài liệu, chứng từ chứng minh	
D.3	Năng lực tài chính			
	Doanh thu của hoạt động tư vấn (3 năm gần nhất)		Giá trị (tỷ VNĐ)	Tính điểm
3	Năm 2013		11	30
4	Năm 2014		18	
5	Năm 2015		16	
	Trung bình của 3 năm		15	

Tổng cộng điểm tự chấm của tổ chức

139,6

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;

Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan

Ký tên/ đóng dấu

BẢNG KÊ KHAI LẦN ĐẦU CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN TVKĐ TRONG 3 NĂM GẦN NHẤT

A. Phần kê khai chi tiết các dự án, lĩnh vực: Đường bộ (hoặc đường sắt, đường hàng không, ...)

TT	Tên dự án/ Cấp Quyết định đầu tư/Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư	Cấp công trình					Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ				Điểm tiêu chuẩn	Tính điểm thực hiện
		Công trình cấp đặc biệt	Công trình cấp I	Công trình cấp II	Công trình cấp III	Công trình cấp IV trở xuống	Độc lập hay liên danh, thầu phụ	Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVKĐ trong dự án	Bị cảnh cáo	Bị phạt hợp đồng		
Năm 2013												
1	Dự án A/BGTVT/PMU1	V					0,7	0,5	V		11,2	5,6
2												
3												
...												
Cộng điểm kinh nghiệm dự án trong năm trên											11,2	5,6
Năm 2014												
1	Dự án B/UBND tỉnh/Sở GTVT/Ban QLDA ...				V		1	1			4	4
2												
3												
...												
Cộng điểm kinh nghiệm dự án trong năm trên											4	4
Năm 2015												
1	Dự án C/UBND tỉnh/Sở GTVT/Ban QLDA ...			V			1	0,7			6	5,6
2												
3												
...												
Cộng điểm kinh nghiệm dự án trong năm trên											5,6	5,6
Tổng cộng điểm dự án cho 3 năm gần nhất											20,8	15,2

B. Phần kê khai các dự án bị xử lý vi phạm về chất lượng

TT	Tên dự án/ Cấp Quyết định đầu tư/Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư	Bị xử lý vi phạm						Số điểm bị trừ
		Năm bị xử lý vi phạm	Bị cấm tham gia đấu thầu	Bị sự cố công trình cấp III	Bị sự cố công trình cấp II	Bị sự cố công trình cấp I trở lên	Phần trăm điểm bị trừ	
1	Dự án D/UBND tỉnh/Sở GTVT/Ban QLDA ...	2013		V			0,3	-4,56
2								
3								
...								
Cộng								-4,56

20,8
10,6
0,5

Số điểm tiêu chuẩn Kết quả thực hiện các dự án

Tổng cộng số điểm đạt được cho Kết quả thực hiện các dự án

Tỷ lệ (%) số điểm đạt được/số điểm tiêu chuẩn

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;

Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên/ đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

BẢNG KÊ KHAI NĂNG LỰC NHÂN SỰ TVKĐ CỦA TỔ CHỨC

TT	Họ và Tên	Số chứng chỉ hành nghề	Được hành nghề	Xác nhận đóng bảo hiểm xã hội tại đơn vị	Đạt tiêu chuẩn			Tính điểm
					Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3	
1	Nguyễn Văn A	157926685	TVKĐ cầu...	Văn bản số ngày .../.../... củaxác nhận đóng bảo hiểm xã hội năm gần nhất	V			16
2	Nguyễn Văn B	157926686	TVKĐ cảng...	Văn bản số ngày .../.../... củaxác nhận đóng bảo hiểm xã hội năm gần nhất		V		8
...								
Tổng điểm nhân sự của tổ chức								24

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;

Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên/ đóng dấu)

**BẢNG KÊ KHAI NĂNG LỰC BỔ SUNG
CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**

A	Phần kê khai chi tiết các dự án, lĩnh vực: Đường bộ (hoặc đường sắt, đường hàng không, ...)				
B	THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC TƯ VẤN				
1	Tên tổ chức tư vấn:				
2	Số hiệu giấy chứng nhận ĐKKD:		Ngày cấp:		
3	Địa chỉ trụ sở chính				
4	Điện thoại liên hệ		Số FAX:		
5	Người đại diện pháp luật		Điện thoại:		
C	PHẦN KÊ KHAI KINH NGHIỆM				Tính điểm
1	Số năm hoạt động Tư vấn		7 năm	20	
2	Kinh nghiệm thực hiện các dự án (khai theo mẫu 15)				46,1
D	PHẦN KÊ KHAI NĂNG LỰC				
D.1	Năng lực nhân sự				
	<i>Phần biến động (khai theo mẫu số 16) và ghi điểm thay đổi vào ô bên</i>				-4
	<i>Điểm năng lực nhân sự đã tự chấm ở lần kê khai trước</i>				315
	<i>Điểm năng lực nhân sự hiện tại</i>				311
D.2	Tên tiêu chí đánh giá (chỉ khai nếu có thay đổi)		Xác nhận có/không		
	<i>Có đủ bộ đo biến dạng, chất lượng kết cấu công trình (tensomete, indicator, máy đo biến dạng + cảm biến, máy dò cốt thép, máy siêu âm,...)</i>		<i>Phải có tài liệu, chứng từ chứng minh</i>		
	<i>Có đủ bộ quan trắc dao động, quan trắc chuyển vị kết cấu công trình</i>		<i>Phải có tài liệu, chứng từ chứng minh</i>		
	<i>Có đủ bộ thiết bị thí nghiệm đánh giá kích thước hình học, độ bằng phẳng, chất lượng các lớp vật liệu, cường độ nền, mặt đường</i>		<i>Phải có tài liệu, chứng từ chứng minh</i>		
	<i>Có hệ thống thiết bị, phần mềm chuyên dụng, có bản quyền để xử lý tự động số liệu, phân tích, đánh giá chất lượng công trình kết cấu đặc biệt như cầu dây văng, cầu dây võng,</i>		<i>Phải có tài liệu, chứng từ chứng minh</i>		15
D.3	Năng lực tài chính				Tính điểm
1	Doanh thu của hoạt động tư vấn		Giá trị (tỷ VNĐ)		50
2	Năm gần nhất		20		
3	Tổng doanh thu của 2 năm kế trước đó		55		
4	Trung bình doanh thu của 3 năm gần nhất		25		

Tổng cộng điểm tự chấm của tổ chức:

442,1

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;

Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan

Ký tên/ đóng dấu

**BẢNG KÊ KHAI BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN TVKD
TRONG NĂM GẦN NHẤT**

A. Phần kê khai chi tiết các dự án, lĩnh vực: Đường bộ (hoặc đường sắt, đường hàng không, ...)

TT	Tên dự án/ Cấp Quyết định đầu tư/Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư	Cấp công trình					Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ				Số điểm tiêu chuẩn	Tích điểm thực hiện
		Công trình cấp đặc biệt	Công trình cấp I	Công trình cấp II	Công trình cấp III	Công trình cấp IV trở xuống	Độc lập hay liên danh, thầu phụ	Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVKD trong dự án	Bị cảnh cáo	Bị phạt hợp đồng		
	Năm 20...											
1	Dự án A/BGTVT/PMU1	V					0,7	0,5	V		11,2	7,8
2	...											
3	...											
...	...											
<i>Cộng điểm kinh nghiệm dự án trong năm trên</i>											11,2	7,8
<i>Điểm thực hiện dự án trong năm kể trước đó</i>											30	30
<i>Điểm thực hiện dự án trong năm trước đó 2 năm</i>											28	28
Tổng cộng điểm dự án cho 3 năm gần nhất											69,2	65,8

B. Phần kê khai các dự án bị xử lý vi phạm về chất lượng

TT	Tên dự án/ Cấp Quyết định đầu tư/Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư	Bị xử lý vi phạm						Số điểm bị trừ
		Năm bị xử lý vi phạm	Bị cấm tham gia đấu thầu	Bị sự cố công trình cấp III	Bị sự cố công trình cấp II	Bị sự cố công trình cấp I trở lên	Phần trăm điểm bị trừ	
1	Dự án D/UBND tỉnh/Sở GTVT/Ban QLDA	2013		V			30%	-19,75
2	...							
3	...							
...	...							
Cộng								-19,75

Số điểm tiêu chuẩn Kết quả thực hiện các dự án

69,2

Tổng cộng số điểm đạt được cho Kết quả thực hiện các dự án

46,1

Tỷ lệ (%) số điểm đạt được/số điểm tiêu chuẩn

0,7

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;

Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên/ đóng dấu)

BẢNG KÊ KHAI NĂNG LỰC NHÂN SỰ BỔ SUNG TVKĐ CỦA TỔ CHỨC

TT	Họ và Tên	Số Chứng chỉ hành nghề	Được hành nghề	Xác nhận đóng bảo hiểm xã hội tại đơn vị	Đạt tiêu chuẩn			Tính điểm
					Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3	
Danh sách nhân sự giảm								
1	Nguyễn Văn A	4567735	TVKĐ	Văn bản số ngày .../...../..... củaxác nhận đóng bảo hiểm xã hội năm gần nhất	V			-16
2								
3								
...							
<i>Số điểm giảm trừ do nhân sự nghỉ công tác/ kỳ luật/thay đổi cấp hạng</i>								-16
Danh sách nhân sự bổ sung								
1	Nguyễn Văn F	157926689	TVKĐ	Văn bản số ngày .../...../..... củaxác nhận đóng bảo hiểm xã hội năm gần nhất			V	4
2	Nguyễn Văn G	157926690	TVKĐ...	Văn bản số ngày .../...../..... củaxác nhận đóng bảo hiểm xã hội năm gần nhất		V		8
3								
...							
<i>Số điểm tăng thêm do bổ sung nhân sự</i>								12
<i>Số điểm tăng/giảm do biến động về nhân sự</i>								-4

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;

Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên/ đóng dấu)

**BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG TVTK CÁC DỰ ÁN TRONG 3 NĂM GẦN NHẤT
(CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ BÁO CÁO LẦN ĐẦU)**

A. Phần kê khai chi tiết các dự án

TT	Tên tổ chức tư vấn/tên dự án	Nhóm, cấp công trình								Thông tin dịch vụ thực hiện					Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ					
		Quan trọng quốc gia	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C	Công trình cấp đặc biệt	Công trình cấp I	Công trình cấp II	Công trình cấp III	Công trình cấp IV trở xuống	Lập quy hoạch	Lập BC nghiên cứu tiền khả thi	Lập dự án (BCNC khả thi)	TKKT, BVTC (nếu TK 2 bước)	BVTC (nếu TK 3 bước)	Độc lập hay liên danh, thầu phụ	Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực	Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng	Bị cảnh cáo	Bị phạt hợp đồng
	Năm 20...																			
1																				
2																				
3																				
...																				
	Năm 20...																			
1																				
2																				
3																				
...																				
	Năm 20....																			
1																				
2																				
3																				
...																				

B. Phần kê khai các dự án được giải thưởng hoặc xử lý vi phạm về chất lượng

TT	Tên tổ chức tư vấn/ tên dự án	Đạt giải thưởng			Bị xử lý vi phạm					Mô tả tóm tắt lý do được thưởng/xử lý vi phạm
		Giải công trình chất lượng cao	Giải thưởng quốc gia về chất lượng	Năm đạt giải	Năm bị xử lý vi phạm	Bị chấm dứt hợp đồng do vi phạm	Bị cấm tham gia đấu thầu	Bị sự cố công trình cấp III	Bị sự cố công trình cấp II	
1										
2										
3										
...										

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;
 Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan
 (Ký tên/ đóng dấu)

**BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG TVTK CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM GẦN NHẤT
(CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ BÁO CÁO CẬP NHẬT)**

A. Phần kê khai chi tiết các dự án

TT	Tên tổ chức tư vấn/tên dự án	Nhóm, cấp công trình							Thông tin dịch vụ thực hiện					Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ					
		Quan trọng quốc gia	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C	Công trình cấp đặc biệt	Công trình cấp I	Công trình cấp II	Công trình cấp III	Công trình cấp IV trở xuống	Lập quy hoạch	Lập dự án (BCNC khả thi)	Lập dự án (BCNC khả thi)	TKKT, BVTC (nếu TK 2 bước)	BVTC (nếu TK 3 bước)	Độc lập hay liên danh, thầu phụ	Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực	Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng	Bị cảnh cáo
	Năm 20...																		
1																			
2																			
3																			
...																			

B. Phần kê khai các dự án được giải thưởng hoặc xử lý vi phạm về chất lượng

TT	Tên tổ chức tư vấn/ tên dự án	Đạt giải thưởng			Bị xử lý vi phạm					Mô tả tóm tắt lý do được thưởng/xử lý vi phạm	
		Giải công trình chất lượng cao	Giải thưởng quốc gia về chất lượng	Năm đạt giải	Năm bị xử lý vi phạm	Bị chấm dứt hợp đồng do vi phạm	Bị cấm tham gia đấu thầu	Bị sự cố công trình cấp III	Bị sự cố công trình cấp II		Bị sự cố công trình cấp I trở lên
1											
2											
3											
...											

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;
Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên/ đóng dấu)

**BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG TVGS CÁC DỰ ÁN TRONG 3 NĂM GẦN NHẤT
(CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QLDA BÁO CÁO LẦN ĐẦU)**

A. Phần kê khai chi tiết các dự án

TT	Tên Tổ chức tư vấn/ tên dự án	Nhóm, cấp công trình					Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ					
		Công trình cấp đặc biệt	Nhóm A hoặc có Công trình cấp I	Nhóm B và có Công trình cấp II	Nhóm B hoặc có Công trình cấp III	Nhóm C hoặc Công trình cấp IV trở xuống	Độc lập hay liên danh, thầu phụ	Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án	Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực	Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng	Bị cảnh cáo	Bị phạt hợp đồng
	Năm 20...											
1												
2												
3												
...												
	Năm 20...											
1												
2												
3												
...												
	Năm 20....											
1												
2												
3												
...												

B. Phần kê khai các dự án được giải thưởng hoặc xử lý vi phạm về chất lượng

TT	Tên Tổ chức tư vấn/ tên dự án	Đạt giải thưởng			Bị xử lý vi phạm					Mô tả tóm tắt lý do được thưởng/xử lý vi phạm	
		Giải công trình chất lượng cao	Giải thưởng quốc gia về chất lượng	Năm đạt giải	Năm bị xử lý vi phạm	Bị chấm dứt hợp đồng do vi phạm	Bị cấm tham gia đấu thầu	Bị sự cố công trình cấp III	Bị sự cố công trình cấp II		Bị sự cố công trình cấp I trở lên
1											
2											
3											
...											

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;
Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên/ đóng dấu)

**BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG TVGS THỰC HIỆN TRONG NĂM GẦN NHẤT
(CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QLDA BÁO CÁO CẬP NHẬT)**

A. Phần kê khai chi tiết các dự án

TT	Tên Tổ chức tư vấn/ tên dự án	Nhóm, cấp công trình				Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ						
		Quan trọng quốc gia hoặc công trình cấp đặc biệt	Nhóm A hoặc có Công trình cấp I	Nhóm B và có Công trình cấp II	Nhóm B hoặc có Công trình cấp III	Nhóm C hoặc Công trình cấp IV trở xuống	Độc lập hay liên danh, thầu phụ	Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án	Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực	Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng	Bị cảnh cáo	Bị phạt hợp đồng
	Năm 20...											
1												
2												
3												
...												

B. Phần kê khai các dự án được giải thưởng hoặc xử lý vi phạm về chất lượng

TT	Tên Tổ chức tư vấn/ tên dự án	Đạt giải thưởng			Bị xử lý vi phạm				Mô tả tóm tắt lý do được thưởng/xử lý vi phạm
		Giải công trình chất lượng cao	Giải thưởng quốc gia về chất lượng	Năm đạt giải	Năm bị xử lý vi phạm	Bị cấm tham gia đấu thầu	Bị sự cố công trình cấp III	Bị sự cố công trình cấp II	
1									
2									
3									
...									

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;

Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên/ đóng dấu)

**BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG TVKĐ CÁC DỰ ÁN TRONG 03 NĂM GẦN NHẤT
(CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ BÁO CÁO)**

A. Phần kê khai chi tiết các dự án, lĩnh vực: Đường bộ (hoặc đường sắt, đường hàng không, ...)

TT	Tên dự án/ Cấp Quyết định đầu tư/Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư	Cấp công trình					Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ		
		Công trình cấp đặc biệt	Công trình cấp I	Công trình cấp II	Công trình cấp III	Công trình cấp IV trở xuống	Độc lập hay liên danh, thầu phụ	Bị cảnh cáo	Bị phạt hợp đồng
Năm 2013									
1	Dự án A/BGTVT/PMU1	V					0,7	V	
2									
3									
...									
<i>Cộng điểm kinh nghiệm dự án trong năm trên</i>									
Năm 2014									
1	Dự án B/BGTVT/PMU1				V				
2									
3									
...									
<i>Cộng điểm kinh nghiệm dự án trong năm trên</i>									
Năm 2015									
1	Dự án C/BGTVT/PMU1			V			1		
2									
3									
...									
<i>Cộng điểm kinh nghiệm dự án trong năm trên</i>									
Tổng cộng điểm dự án cho 3 năm gần nhất									

B. Phần kê khai các dự án bị xử lý vi phạm về chất lượng

TT	Tên dự án/ Cấp Quyết định đầu tư/Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư	Bị xử lý vi phạm						Mô tả tóm tắt lý do xử lý vi phạm
		Năm bị xử lý vi phạm	Bị chấm dứt hợp đồng do vi phạm	Bị cấm tham gia đấu thầu	Bị sự cố công trình cấp III	Bị sự cố công trình cấp II	Bị sự cố công trình cấp I trở lên	
1	Dự án D/UBND tỉnh/Sở GTVT/Ban QLDA ...	2013	V					
2	Dự án E/UBND tỉnh/Sở GTVT/Ban QLDA ...							
3								
...								
	Cộng							

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;

Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên/ đóng dấu)

**BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG TVKĐ CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM GẦN NHẤT
(CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ BÁO CÁO CẬP NHẬT)**

A. Phần kê khai chi tiết các dự án, lĩnh vực: Đường bộ (hoặc đường sắt, đường hàng không, ...)

TT	Tên dự án/ Cấp Quyết định đầu tư/Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư	Cấp công trình					Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ		
		Công trình cấp đặc biệt	Công trình cấp I	Công trình cấp II	Công trình cấp III	Công trình cấp IV trở xuống	Độc lập hay liên danh, thầu phụ	Bị cảnh cáo	Bị phạt hợp đồng
	Năm 20...								
1	Dự án A/BGTVT/PMU1	V					0,7	V	
2									
3									
...									

B. Phần kê khai các dự án bị xử lý vi phạm về chất lượng

TT	Tên dự án/ Cấp Quyết định đầu tư/Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư	Bị xử lý vi phạm					Phản trăm điểm bị trừ	Mô tả tóm tắt lý do xử lý vi phạm
		Bị chấm dứt hợp đồng do vi phạm	Bị cấm tham gia đấu thầu	Bị sự cố công trình cấp III	Bị sự cố công trình cấp II	Bị sự cố công trình cấp I trở lên		
1	Dự án D/UBND tỉnh .../Sở GTVT/Ban QLDA ...		V					
2	Dự án E/UBND tỉnh .../Sở GTVT/Ban QLDA ...							
3								
...								
	Cộng							

Cơ quan chúng tôi cam kết nội dung kê khai trên đây là đúng và trung thực;

Nếu có gì sai chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.